

Số: 67 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 10 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ
trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2017 – 2020 .**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/5/2015;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19/6/2015;

Căn cứ Pháp lệnh Giống vật nuôi năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/09/2014 của Thủ tướng chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23/12/2015 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 01/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 – 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1514/SNN-CN ngày 12/9/2016 và Báo cáo số 316/BC-SNN ngày 23/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

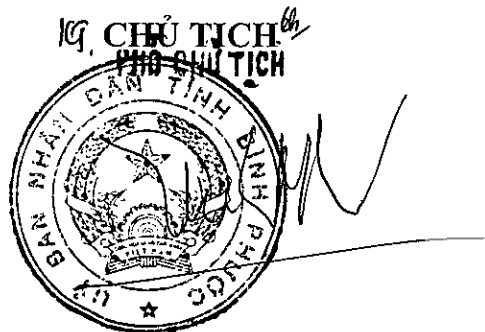
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2017-2020.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm phối hợp Sở Tài chính, các ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã tổ chức thực hiện đúng quy định hiện hành của Nhà nước

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT.TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND;
- Như điều 3;
- LĐVP, P. KTTH, KTN;
- Lưu: VT (Th qđ 28-016). 8k



Huỳnh Anh Minh

QUY ĐỊNH

Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2017 – 2020 .

(Ban hành kèm theo Quyết định số 67 /QĐ-UBND ngày 10 / 01 / 2017 của UBND tỉnh).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ về phối giống nhân tạo gia súc, con giống, xử lý chất thải chăn nuôi nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi lợn (heo), trâu, bò, gia cầm (sau đây gọi là hộ chăn nuôi), tổ chức được chỉ định đủ điều kiện đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất - kinh doanh giống vật nuôi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chính sách hỗ trợ đối với hộ chăn nuôi

1. Hỗ trợ hộ chăn nuôi lợn

1.1. Phối giống nhân tạo hàng năm

a) Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ 100% kinh phí mua liều tinh cho các hộ chăn nuôi để thực hiện phối giống cho lợn nái. Mức hỗ trợ không quá 02 liều tinh cho một lần phối giống và không quá 05 liều tinh cho một lợn nái/năm;

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ

- Hộ chăn nuôi thường xuyên dưới 10 con lợn nái có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được UBND cấp xã xác nhận;

c) Tiêu chuẩn chất lượng liều tinh

- Sử dụng loại tinh lợn phù hợp với địa phương, ưu tiên hỗ trợ tinh lợn ngoại có tiêu chuẩn chất lượng phù hợp quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015.

- Thẻ tích một liều tinh: không nhỏ hơn 50ml để phối cho nái lai và không nhỏ hơn 80ml để phối cho nái ngoại.

- Số lượng tinh trùng trong một liều tinh: Phối cho nái nội không dưới 1,0 tỷ; phối cho nái lai không dưới 1,5 tỷ và phối cho nái ngoại không dưới 2,0 tỷ.

- Hoạt lực tinh trùng: Không nhỏ hơn 70%.

- Có đầy đủ thông tin về giống lợn, số hiệu lợn đực, ngày sản xuất, hạn sử dụng, tên đơn vị sản xuất; thẻ tích liều tinh; số lượng tinh trùng và hoạt lực tinh trùng của liều tinh.

1.2. Hỗ trợ mua con giống

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị con lợn đực giống cho các hộ chăn nuôi ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để thực hiện phối giống dịch vụ.

- Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 con đối với lợn đực giống từ 06 tháng tuổi trở lên; mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 03 con lợn đực giống theo quy định tại Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Điều kiện được hưởng hỗ trợ:

- Chăn nuôi lợn đực giống để phối giống dịch vụ có nhu cầu, làm đơn đăng ký, được UBND cấp xã xác nhận và cam kết thực hiện theo đúng kỹ thuật chăn nuôi an toàn tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

- Mua lợn đực giống phù hợp yêu cầu của địa phương, ưu tiên lợn giống ngoại (Landrace, Duroc, Pietrance, Yorkshire, PiD, LY...)

c) Tiêu chuẩn chất lượng lợn đực giống:

- Được sản xuất từ cơ sở giống lợn đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 19 Pháp lệnh Giống vật nuôi; chất lượng đạt tiêu chuẩn cơ sở công bố theo quy định hiện hành;

- Có đầy đủ thông tin về tên giống, ngày, tháng, năm sinh và số hiệu của cá thể; tên giống và số hiệu bố, mẹ; tên giống và số hiệu ông, bà.

1.3. Hỗ trợ về xử lý chất thải chăn nuôi:

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị xây dựng hầm biogas hoặc làm đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi.

- Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 công trình/1 hộ;

b) Điều kiện được hưởng hỗ trợ.

- Chăn nuôi với quy mô thường xuyên không ít hơn 05 con lợn nái hoặc 10 con lợn thịt;

- Có nhu cầu xây dựng hầm biogas hoặc làm đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi, làm đơn đăng ký và được UBND cấp xã xác nhận;

- Mỗi hộ chỉ được hưởng hỗ trợ kinh phí hoặc xây dựng hầm biogas hoặc làm đệm lót sinh học.

- Kỹ thuật xử lý chất thải chăn nuôi được áp dụng đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

2. Hỗ trợ hộ chăn nuôi trâu, bò:

2.1. Phối giống nhân tạo hàng năm

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ 100% kinh phí vật tư phối giống nhân tạo (tinh đông lạnh và Nitơ lỏng, găng tay, dẫn tinh quản) cho các hộ chăn nuôi để phối giống cho bò cái sinh sản.

- Mức hỗ trợ không quá 2 liều tinh/bò thịt/năm, 04 liều tinh/bò sữa.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ:

- Hộ chăn nuôi thường xuyên dưới 10 con bò sinh sản, có nhu cầu thì làm đơn đăng ký và được UBND cấp xã xác nhận;

- Sử dụng loại tinh theo yêu cầu của địa phương như: tinh bò sind, zebu, Droughtmaster.

c) Tiêu chuẩn chất lượng liều tinh

- Có nhãn mác rõ ràng và tiêu chuẩn chất lượng phù hợp hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tinh đông lạnh theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8925:2012 đối với tinh bò sữa, bò thịt.

- Đánh giá chất lượng TCVN 8925:2012. Trường hợp sử dụng tinh phân ly giới tính, các chỉ tiêu kỹ thuật phải đảm bảo theo công bố của nhà sản xuất.

d) Định mức vật tư phối giống nhân tạo bò

- Ni tơ lỏng: Dùng để vận chuyển tinh đi phối giống mức tối đa đến 2,0 lít/01 con bò cái hướng sữa có chửa; đến 1,5 lít/01 con bò cái hướng thịt có chửa.

- Các vật tư khác (găng tay, dẫn tinh quản hoặc ống dẫn tinh, súng bắn tinh): Phù hợp theo số liều tinh sử dụng.

2.2. Hỗ trợ mua giống trâu, bò

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị con trâu, bò đực giống cho các hộ chăn nuôi ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để thực hiện phối giống dịch vụ như sau:

+ Mức hỗ trợ không quá 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/1 con đối với bò đực giống từ 12 tháng tuổi trở lên hoặc không quá 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng)/1 con đối với trâu đực giống từ 24 tháng tuổi trở lên; mỗi hộ được hỗ trợ mua một con trâu hoặc một con bò đực giống theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ

- Chăn nuôi các đối tượng trâu, bò đực giống để phối giống dịch vụ; có nhu cầu, làm đơn đăng ký, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận theo quy định tại Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

- Mua loại giống: bò sind; bò zebu, Droughtmaster; trâu nội đã qua bình tuyển.

- Mỗi hộ chỉ được hỗ trợ: Hoặc trâu đực giống, hoặc bò đực giống.

c) Tiêu chuẩn chất lượng trâu, bò đực giống:

- Được sản xuất từ cơ sở giống trâu, bò đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 19 Pháp lệnh Giống vật nuôi; chất lượng đạt tiêu chuẩn cơ sở công bố theo quy định hiện hành; Trường hợp tuyển chọn trong sản xuất phải được UBND cấp tỉnh quy định; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành cấp huyện đánh giá chất lượng và tuyển chọn đảm bảo yêu cầu của địa phương.

- Có đầy đủ thông tin về tên giống, ngày, tháng, năm sinh và số hiệu cá thể; tên giống; Trường hợp tuyển chọn trong sản xuất phải có đầy đủ thông tin về tên giống, tháng tuổi và số hiệu cá thể (sau khi tuyển chọn).

2.3 Hỗ trợ về xử lý chất thải chăn nuôi:

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị xây công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 công trình/1 hộ;

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ.

Để được hỗ trợ, hộ chăn nuôi phải bảo đảm các điều kiện:

- Chăn nuôi với quy mô thường xuyên không ít hơn: 03 con trâu, bò có nhu cầu xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi, làm đơn đăng ký và được UBND cấp xã xác nhận;

- Có xác nhận của UBND cấp xã về việc xây mới công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học đáp ứng hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Mỗi hộ chỉ được hưởng hỗ trợ kinh phí để xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học.

3. Hỗ trợ hộ chăn nuôi gà, vịt

3.1. Hỗ trợ giống gà, vịt bố mẹ:

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị gà, vịt giống bố mẹ hậu bị.

- Mức hỗ trợ bình quân đối với gà, vịt giống không quá 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng)/1 con;

- Mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 200 con gà hoặc 200 con vịt giống bố mẹ hậu bị;

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ:

- Yêu cầu gà, vịt giống bố mẹ hậu bị khi mua về tối thiểu phải từ 02 tháng tuổi trở lên.

- Chăn nuôi các đối tượng gà, vịt giống gắn với ấp nở cung cấp con giống; có nhu cầu, làm đơn đăng ký và cam kết thực hiện nghiêm kỹ thuật chăn nuôi an toàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, được UBND cấp xã xác nhận;

- Mua gà, vịt giống phù hợp với địa phương.:

- Có nguồn gốc từ các cơ sở sản xuất giống vật nuôi, có lý lịch rõ ràng đối với gà, vịt; có tiêu chuẩn chất lượng phù hợp theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015;

- Mỗi hộ chỉ được hỗ trợ : hoặc gà giống, hoặc vịt giống.

3.2. Hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi:

Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị làm đệm lót sinh học xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 hộ.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ.

- Chăn nuôi với quy mô thường xuyên không ít hơn 200 con gia cầm sinh sản; có nhu cầu làm đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi, làm đơn đăng ký và được UBND cấp xã xác nhận;

- Mỗi hộ chỉ được hưởng hỗ trợ kinh phí làm đệm lót sinh học một lần.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển phối giống nhân tạo gia súc

1. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn:

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ một lần đến 100% kinh phí đào tạo, tập huấn cho các cá nhân về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc.

- Mức hỗ trợ không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/1 người.

b) Điều kiện được hưởng hỗ trợ

Đã hoàn thành chương trình Trung học cơ sở đối với khu vực miền núi hoặc Trung học phổ thông đối với khu vực đồng bằng; dưới 40 tuổi; có nhu cầu, làm đơn và được UBND cấp xã xác nhận.

2. Hỗ trợ mua bình chứa Nitơ lỏng để vận chuyển, bảo quản tinh phối giống nhân tạo gia súc:

a) Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ 1 lần đến 100% giá trị bình chứa Nitơ lỏng từ 1,0 đến 3,7 lít cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 bình/1 người.

b) Điều kiện được hưởng hỗ trợ.

- Đã qua đào tạo, tập huấn có chứng chỉ; có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được UBND cấp xã chấp thuận;

- Mua loại bình phù hợp với mỗi huyện, thị xã và có cam kết bảo quản, sử dụng bình trong thời gian không ít hơn 5 năm.

Điều 5. Kỹ thuật chăn nuôi an toàn và xử lý chất thải chăn nuôi

1. Kỹ thuật chăn nuôi an toàn

Hộ chăn nuôi thực hiện các yêu cầu về kỹ thuật chăn nuôi an toàn. Cụ thể:

a) Chuồng trại: Có tường hoặc hàng rào đảm bảo ngăn không cho gia súc, gia cầm tự do ra khỏi chuồng nuôi hoặc vào nơi ở, sinh hoạt của người; có máng ăn, máng uống bằng vật liệu an toàn, dễ vệ sinh; có nơi thu gom, xử lý chất thải; ngoài ra, có các thiết bị chăn nuôi phù hợp đối tượng vật nuôi và mục đích chăn nuôi.

b) Con giống: Có nguồn gốc rõ ràng; đảm bảo khỏe mạnh.

c) Chăm sóc, nuôi dưỡng và vệ sinh thú y:

- Thức ăn, nước uống trong chăn nuôi đảm bảo sạch và an toàn; không sử dụng thức ăn hoặc cho vào thức ăn chăn nuôi các hóa chất, kháng sinh trong danh mục hóa chất, kháng sinh cấm nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 về việc ban hành danh mục thuốc thú y được phép lưu hành, cấm sử dụng ở Việt Nam, công bố mã HF đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam.

- Chuồng nuôi đảm bảo thông thoáng; máng ăn, máng uống và các thiết bị chăn nuôi được vệ sinh thường xuyên đảm bảo sạch sẽ.

- Kết thúc mỗi đợt nuôi, thu gom toàn bộ chất thải, quét dọn, vệ sinh, làm sạch, tiêu độc toàn bộ dụng cụ, thiết bị chuồng nuôi và môi trường xung quanh; để trống chuồng tối thiểu 14 ngày đối với gia cầm và tối thiểu 7 ngày đối với lợn trước khi nuôi đàn mới.

- Có biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng và chất dộn chuồng đã qua sử dụng đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ tiêm phòng định kỳ và đột xuất cho đàn gia súc, gia cầm theo quy định của pháp luật về thú y.

d) Ghi chép sổ sách

- Ghi chép hàng ngày về tiêu thụ thức ăn; thuốc thú y, vắc xin sử dụng; tình trạng sức khỏe đàn gia súc, gia cầm.

- Cập nhật theo dõi nguồn gốc con giống; ngày bắt đầu nuôi; ngày kết thúc; xuất bán sản phẩm.

2. Kỹ thuật xử lý chất thải chăn nuôi

a) Xử lý chất thải bằng công trình khí sinh học Biogas

Xây dựng công trình khí sinh học (biogas) xử lý chất thải chăn nuôi theo các mẫu công trình khí sinh học được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc các tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở khác theo quy định của pháp luật.

b) Xử lý chất thải bằng đệm lót sinh học

Sử dụng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường chăn nuôi trong danh mục sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

Điều 6. Kinh phí hỗ trợ và nguyên tắc áp dụng hỗ trợ

1. Kinh phí hỗ trợ

Nguồn vốn thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ được sử dụng lồng ghép từ các nguồn vốn, gồm: Nguồn ngân sách địa phương; nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương; nguồn kinh phí từ chương trình, dự án Trung ương và địa phương; nguồn kinh phí từ các chương trình khác và nguồn huy động đóng góp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ

Các hộ gia đình chăn nuôi và người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc đáp ứng điều kiện hỗ trợ được áp dụng hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ về kinh phí liệu tinh lợn và vật tư phối giống nhân tạo trâu, bò cho các hộ chăn nuôi thông qua các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi hoặc vật tư chăn nuôi theo quy định tại Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Hỗ trợ trực tiếp cho hộ chăn nuôi sau khi các hộ đã mua lợn, trâu, bò đực giống, gà, vịt giống bố mẹ hậu bị; có hóa đơn tài chính theo quy định.

c) Hỗ trợ trực tiếp cho hộ chăn nuôi sau khi các hộ đã xây công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học.

d) Hỗ trợ trực tiếp cho người đi đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc sau khi hoàn thành khóa đào tạo, tập huấn; có chứng chỉ của cơ sở đào tạo, tập huấn.

đ) Hỗ trợ trực tiếp cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc sau khi mua bình chứa Nitơ lỏng; có hóa đơn tài chính theo quy định.

e) Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 7. Quy trình, thực hiện hỗ trợ:

Đối với các hộ chăn nuôi được nhận hỗ trợ từ chính sách tại Quy định này phải thực hiện các quy trình, thủ tục sau đây:

1. Hộ có nhu cầu nhận hỗ trợ làm đơn gửi UBND xã, phường, thị trấn xác nhận. UBND cấp xã có trách nhiệm tổng hợp danh sách các hộ đăng ký nhận hỗ trợ và báo cáo về UBND huyện, thị xã.



2. UBND huyện, thị xã có trách nhiệm lập kế hoạch và dự toán hỗ trợ gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT.

3. Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp Sở Tài chính thẩm định chuyên môn và dự toán của các huyện, thị xã gửi về và trình UBND tỉnh.

4. Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp UBND huyện, thị xã thực hiện công tác hỗ trợ theo quy định này.

5. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát công tác thực hiện hỗ trợ tại các huyện, thị xã và báo cáo việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hàng năm, tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi hoặc vật tư chăn nuôi cung cấp liệu tinh, con giống và vật tư đảm bảo chất lượng cho người chăn nuôi chủ động lựa chọn.

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, căn cứ vào nhu cầu thị trường về các sản phẩm chăn nuôi và nhu cầu thực tế lập kế hoạch hàng năm về kinh phí hỗ trợ theo Quy định này trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và giao kế hoạch trong quý III năm trước liền kề để các đơn vị, cơ sở chủ động cung cấp đủ về số lượng, chất lượng, thúc đẩy chăn nuôi phát triển hiệu quả, bền vững.

c) Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xem xét, thẩm định đơn giá của các loại vật tư, con giống, sản phẩm hàng hóa được hỗ trợ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát, thẩm định việc triển khai thực hiện Quy định này tại các huyện, thị xã và các đơn vị liên quan; tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí trong kế hoạch chi ngân sách hàng năm của tỉnh để thực hiện Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, thẩm định đơn giá của các loại vật tư, con giống, sản phẩm hàng hóa được hỗ trợ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai, phổ biến rộng rãi Quy định này đến các tầng lớp nhân dân trên địa bàn để thực hiện.

b) Hàng năm, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức điều tra, thống kê lập danh sách các hộ (đến từng thôn, bản) trên địa bàn có nhu cầu được hỗ trợ kinh phí theo Quy định này, tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 31 tháng 7 của năm trước liền kề, để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp UBND xã, phường, thị trấn xác nhận các hộ mua con giống và áp dụng kỹ thuật xử lý chất thải đáp ứng quy định để được hưởng chính sách hỗ trợ; triển khai kế hoạch hỗ trợ hàng năm trên địa bàn huyện, thị xã.

d) Chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ được phân bổ hàng năm theo đúng quy định và hướng dẫn của các sở, ngành liên quan.

đ) Định kỳ 6 tháng (trước ngày 15 tháng 6) và 01 năm (trước ngày 15 tháng 12) tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy định này, có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

